

### **Phẩm 8: CHUYỂN TỰ LUÂN MẠN-ĐỒ-LA HẠNH**

Như Lai lại quán sát đại chúng, dùng đại từ bi tu tập nhân quán sát thế giới chúng sinh. Đại chúng, tức là chúng hội mười cõi Phật như số bụi nhỏ Kim cang. Như Lai từ vô lượng kiếp lâu xa đã tu nhân đại từ bi mà xem xét thế giới, cũng có ý đoái hoài. Đó gọi là sắp giảng nói phương tiện vi diệu, khiến tất cả thế gian đều được lợi ích lớn. Như thế quán rồi mà vào cam lộ sinh Tam-muội. Như người đời uống chất độc liền chết yếu. Hoặc có gặp cam lộ mà uống thì liền chẳng già chẳng chết, tất cả các bệnh hoạn, khổ nạn đều dứt hết. Thân tâm mát mẻ vui sướng, được chữa từng có. Nay Tam-muội này cũng như thế. Nếu được Văn-tư-tu thì người tu liền được vui xuất thế gian bậc nhất, thọ lượng thường trụ (sống lâu vô số), thành hiện pháp lạc của Như Lai. Xuất định này, lại nói tất cả ba đời vô ngại lực, tức ba đời không thể phá hoại. Minh lực này như thế phá trừ tất cả sự tối tăm của vô minh phiền não, nên gọi là Minh. Nhưng minh và chân ngôn nghĩa có khác nhau. Nếu từ tâm miệng xuất ra thì gọi là Chân ngôn, nếu từ tất cả thân phần nhậm vận sinh ra thì gọi là Minh. Do nghĩa tăng trưởng cho nên dùng tiếng nữ để gọi. Như vua có vị tôn quý nên vợ cũng được tôn trọng, nên nói là Minh phi. Như trên Kim Cang Thủ trước hỏi Phật, Phật liền từ đầu đến cuối đều đáp câu hỏi này. Trong khoảng giữa các lời nói khác đứt quãng. Nay Phật lại đáp ý trước. Như trên nghĩa chữ Lãm đã lược nói xong. Nay y theo trước Phật vì hành giả tu Chân ngôn là muốn khiến cho đầy đủ các duyên, mau được đạo Vô thượng, lại từ cam lộ sinh khởi Tam-muội mà nói Minh phi này.

Già-già-na-tam-mê A-bát-la-đề-tam-mê Tát-phước-đát-đa-yết-đa Tam-man-đa-nộ-yết-đề Già-già-na-tam-mê Phước-la-lạc-xoa-nhĩ.

Già-già-na-tam-mê, già-già là hành, lặp lại chữ Hạnh là nói hạnh này không thật có, thì hành mà vô hạnh. Trước là chỉ, kế là phá hoại, nghĩa là pháp vô tướng vô ngại này đối với không thì vô lượng vô ngại không đâu chẳng cùng khắp. Nhưng lại có nghĩa khác. Vì sao? Nếu tất cả pháp này như hư không, tức là không có lỗi, cũng không có công đức. Nay trong đây tuy vô tướng vô ngại cũng như hư không mà đầy đủ tất cả công đức chân thật của Như Lai, không gì chẳng đủ. Cho nên kế nói Cú Nghĩa thứ hai.

Tuy nêu không này để so sánh nhưng có vô lượng vô biên đức là tướng, chẳng phải hư không mà dự được công đức này tức là bằng với Như Lai, là tất cả chỗ đến của Như Lai.

Kể nói Già-già-na-tam-mê, tuy đủ muôn đức mà không có chỗ nói lên đồng với đại không cho nên nói nhắc lại. Trong đây nói năng lực vô ngại là nghĩa không thể phá hoại, cũng là nghĩa vô tướng. Vì vô ngại, vô tướng nên không thể phá hoại. Phật ở trong Tam-muội mà hiện ra Minh phi này, miệng nói tên chân ngôn Đà-la-ni, thân hiện gọi là Minh. Vì thiện nam này và thân Minh phi Như Lai, không có hai cảnh giới. Do năng lực này nên Phật, Bồ-tát được tiếng khen rộng lớn là pháp vô ngại, dứt trừ các khổ, là nói Minh phi này đồng với thân Như Lai. Nếu chẳng ngộ lý này thì không do đâu mà thành Phật. Nếu chứng lý vô tướng, vô ngại tức là đối với pháp mà được tự tại thành tựu Bồ-đề. Vô tướng như thế tức là cảnh giới sâu xa của Như Lai. Chỉ có Phật và Phật mới hiểu rõ, cho nên nói là cảnh giới Phật và Bồ-tát ba đời ở mười phương. Do môn này mà khắp pháp giới Phổ môn thị hiện thành tựu chúng sinh vô cùng tận. Cho nên được tiếng khen rộng lớn ở mười phương, gọi là Đại danh xưng, được pháp vô ngại là vì vô chướng, vô tướng vô quái ngại cho nên dứt tất cả khổ thân, miệng, ý của chúng sinh chân thật chẳng luống dối, đều khiến rốt ráo đến chỗ vui Đại Bồ-đề Vô thượng. Cũng chẳng biết Chân đế nên nói vô minh. Do vô minh tức có các hành mà sinh ra các thứ khổ. Tuy Bồ-tát vào địa vị, nhưng do chưa biết cảnh bí mật sâu xa của Như Lai, tức là vô minh sâu kín cũng lại là khổ, khiến Phật vì họ mà đều khiến cho rốt ráo đến cảnh giới Phật, cho nên nói dứt tất cả khổ. Dứt khổ vô minh tức là giải thoát không thể suy nghĩ bàn luận, chư Phật được vô lượng vô biên công đức hiện pháp lạc. Phi là như người nữ ở đời sinh ra các con để nối dõi không dứt đây là nói có khả năng sinh ra tất cả công đức của tất cả Như lai, cho nên nghĩa là Phi. Khi người tu hạnh chân ngôn tuy có các phương tiện như trên nhưng phải cần có trì Minh phi này, nếu chẳng thể trì thì các đức chẳng đủ.

Lúc đó, Tỳ-lô-giá-na chư Phật nghĩ đến ta từ đâu chẳng sinh năng lực Chấp Kim Cang nên bảo Thượng Thủ Chấp Kim Cang rằng: Như Lai từ cam lộ sinh khởi Tam-muội rồi liền nghĩ ta xưa chẳng sinh tất cả thân Phật, do chẳng sinh nên liền cùng chư Phật không có hai thể, cho nên giữ gốc như thế, chẳng sinh chữ A, gia trì tự thân và Chấp Kim Cang mà bảo, vì chẳng sinh năng lực gia trì. Nghĩ đoạn, phương tiện bảo Thượng thủ các Kim Cang. Thượng thủ chẳng phải Bí Mật Chủ, tất cả đều vào tự môn A, tức là vô ngôn thể chủ mà thôi. Các Chấp Kim Cang ở mười cõi Phật đều là Thượng thủ. Nay thiện nam lắng nghe: Tự luân chuyển gọi Mạn-đồ-la hạnh, trong phẩm nói rộng Bồ-tát tu hành môn Chân ngôn, làm Phật sự mà trụ trước. Luân, nghĩa là tự môn A,

trong một chữ này mà vào tất cả chữ, vào một chữ này thì xoay vần tất cả pháp đều vô ngại. Như bánh xe ở đời chẳng lăn thì thôi, lăn thì lăn mãi vô cùng tận. Tìm đầu đuôi đều chẳng thể biết, nên gọi là luân. Lại như bánh xe ở thế gian nếu khi quay thì sẽ cắt đứt tất cả loài cây cỏ. Tùy rễ thân, cành lá, gặp bánh xe này thì đều bị phá hết. Vì sao? Vì dùng dao bén nhọn. Tự luân A này cũng giống như thế, đứt trừ tất cả vô minh phiền não, tùy chỗ nó nghe mà phá dẹp hết, Mạn-đồ-la là nghĩa thanh tịnh. Sau sẽ giải thích. Phẩm Quảng là nghĩa trong đó trùm khắp tất cả chỗ, phẩm chỉ là tên của một phần. Nghĩa của quảng như bánh xe, không chỗ cùng tận, nhưng một phần kinh này cũng chẳng lìa luân này, nên lấy đó làm tên. Các phẩm đều nói quảng là y theo đây.

Bản chẳng sinh tức là A tự luân. Vào luân này tức là cùng chư Phật đồng thể không hai, Phật vì thành tựu tu chân ngôn làm Bồ-tát, muốn nói A tự luân này mà trước khen công đức. Nếu được luân này thì khiến cho các Bồ-tát Phổ môn thị hiện, vì tất cả chúng sinh rất mừng thấy thân trụ khắp ở trước mà hóa độ, dùng nhân duyên lớn mà làm Phật sự cho nên trụ ở trước.

Bấy giờ, Chấp Kim Cang đánh lễ Phật, Kim Cang đi quanh tương ưng, đến ngồi dưới tòa Kim Cang mà khen Phật. Bồ-tát này trên chày Kim Cang có đài hoa sen, do đó mà ngồi. Kim Cang tức là Trí ấn của chư Phật. Trí ấn của Đức Phật này là đài Đại Mạn-đồ-la có chỗ biểu thị. Như ném Kim Cang Tuệ trên hư không rồi trở về đất. Bồ-tát này cũng như thế. Nghe Phật lại nói về chữ Tăng thì vui mừng hơn hở, tứthì đài này ở trên Kim Cang mà quay vòng vô lượng, từ chỗ ngồi bước xuống đánh lễ Phật. Khi bước xuống thì ném gậy lên hư không mà quay về, giống như thế nên gọi tương ưng. Đây cũng là biểu thị cho trí Phật vô ngại. Vì nghe pháp cung kính nên xuống đất mà kính lễ. Quy mạng tâm Bồ-đề tức là quy mạng tất cả tâm chúng sinh, quy mạng thì tâm Bồ-đề phát sinh. Lại đánh lễ thì phát sinh tâm này, cúi đầu hành thể Ba-la-mật, kế quy kính thể của hạnh chân ngôn. Hành thể tức là đất ấy và Ba-la-mật. Kính lễ tạo tác, trước vì tất cả chúng sinh tuy có tâm Bồ-đề này mà chẳng thể tự biết, nên quy mạng cố tích phát tâm thành quả chuyển sang hiển bày chúng sinh. Vì nghĩ ân lớn nên lại lễ bái. Nói nhắc lại quy mạng đánh lễ là nghĩa này giống nhiều mà khác ít. Nói nhắc lại là vì rất cung kính cho nên như thế. Như ở đây, khen ngợi Phật xong lại thỉnh. Như người đời nuôi tằm có lợi nên khéo nuôi.

Ở đây cũng giống như thế, vì thỉnh Phật lại nói nghĩa sâu, vì tự lợi, lợi tha nên trước khen ngợi Phật. Không chứng, tức là chứng pháp bình

đẳng vô ngại vô tướng. Bạch Phật Thế Tôn cúi mong giảng nói: Thương xót con và tất cả chúng sinh. Pháp vương là đối với pháp tự tại nên gọi là Pháp vương, nguyện thương xót con hộ niệm con, làm lợi chúng sinh, là Pháp vương thương xót ta, hộ niệm ta, vì chúng sinh làm lợi ích như nói tu hạnh chân ngôn khiến được đầy đủ. Nguyện Phật lại nói A tự luân. Viên mãn là tùy hạnh thượng trung hạ mà tùy tánh phần đều được lợi ích, đều sẽ thành tựu diệu quả.

Kế là Phật bảo Bí Mật Chủ rằng: Thuở xưa, ta đối với các Phật tối thắng là chỗ nương tựa xưng hiệu của thế gian, khi sắp nói Bí Tạng thì trước khen đức vì pháp này khó tin. Như sắp nói Pháp Hoa thì cũng đồng khen ngợi. Bốn sơ tức là nghĩa thọ lượng (tuổi thọ). Chỗ thế gian nương tựa, là như tất cả cây cối đều phải nương vào đất mà được lớn lên, lại như người đi buôn nương người dẫn đường ra biển, phải nương người lái thuyền, người bệnh không phải nương thầy thuốc.

Ở đây có nhiều môn phải nói: Nay Phật cũng như thế, là chỗ nương cho tất cả. Nhưng lại có ý sâu là tuy nói tự khen mà chính là có ý nói pháp. Như Phạm âm nói ta, tức trong đó có tiếng A, tức nghĩa vốn chẳng sinh. Đây là thể Thường trụ chẳng sinh, tức là chỗ nương của tất cả. Xưng hiệu, là ta biết đây chẳng sinh, nên tất cả người đời tôn xưng là Phật. Chẳng phải trong Pháp giới Bình Đẳng có tên gọi như thế. Nói pháp không thể so sánh. Trong không so sánh này thì chỗ nói của ngoại đạo đều có pháp hơn, cho nên nói có so sánh. Phạm tất cả ai chẳng hiểu pháp nội chứng bí mật thì đều gọi là ngoại đạo. Do Phật nói pháp không thể sánh bằng hướng chi có dụ, nên nói cũng không so sánh được. Lại trong ngã có chữ A, vốn vắng lặng không có gì trên trong chữ Bốn này có âm thanh A, là nghĩa bất sinh. Vì chẳng sinh nên chẳng diệt. Cho nên xưa nay vốn vắng lặng, pháp này vi diệu bậc nhất không có gì hơn. Làm vắng lặng các căn, nên sáu căn luôn thanh tịnh, các điều ác dứt hẳn nên gọi là tịch. Chữ A này là tất cả tâm Phật. Nay trong kệ Phật nói chữ A này, tức là nói trong pháp tự chứng, trong tất cả lời ý tuy có chỗ nói nhưng trong cảnh nội chứng này không thể hiểu (biết), vì pháp tự chứng chẳng thể nói. Phật tuy tự khen tốt cũng tức là khen ngợi chữ A này. Vì chữ này từ xưa nay là chỗ nương tựa của thế gian. Nay nói pháp tự chứng này không phải là cảnh giới Nhị thừa, ngoại đạo.

Đối với pháp ấy không thể ví dụ so sánh, nên gọi là không sánh. Như ai uống nước thì lạnh nóng tự biết còn chẳng thể nói với người chẳng uống, hướng chi cảnh giới Như Lai ư? Nhưng có sức gia trì của Phật thì có thể nói pháp không thể nói, không thể nói này khiến Kim

Cang Tạng... đều biết được, việc này rất hy hữu. Nhờ sức gia trì nên Chấp Kim Cang và các Bồ-tát, tòa Bồ-đề của Phật thắng nguyện hiển bày. Nghĩa là Phật nói kệ này xong thì được dùng thần lực mà gia trì. Bây giờ, các Bồ-tát Kim cang liền có thể hiện tòa Bồ-đề. Tòa này là chỉ nói theo ý thế gian, chỉ là chỗ ngồi mà thôi. Song phương Tây gọi tòa này là Mãn-trà. Mãn-trà nghĩa là bền chắc, bất động, lại có nghĩa là không sánh bằng, là cùng khắp pháp giới. Nay hiện tòa Bồ-đề này cũng như bơ hiện trong lạc, các vị cùng ở một chỗ mà chẳng trái nhau, vì gia trì nên hiển hiện. Tòa này tức là chỗ trang nghiêm công đức của Như Lai, chỗ thành tựu vô lượng đại nguyện, tức đồng với thân Phật. Hiện khắp trong tất cả thế giới chúng sinh mà làm Phật sự. Cho nên nói là thắng nguyện. Phật hư không như vô hý luận, cùng hạnh không hai, tương ứng với lý. Thành tựu nghiệp ấy: tức là tòa này, cũng như hư không lia tất cả phân biệt. Tuy các Bồ-tát tu hành các thứ phương tiện như thế, nhưng cũng không hai không khác. Chẳng lia diệu lý như thế. Cho nên nói lý tương ứng, như làm mà không làm tức là họ được quả cũng giống như thế, tức đồng với tòa ấy không hai không khác. Thành tựu: là Tất-địa mà người tu hành thành tựu. Vào thời Phật, các chi phần thân cũng đều xuất hiện chữ ấy. Ở tất cả thế gian và xuất thế gian Thanh văn, Duyên giác đều tịnh lực và quán. Tất-địa thành tựu mà khuyên tu, nghĩa là khắp thân phần Phật. Thân phần Phật đều hiện chân ngôn chữ A này. Tự môn A này tức là tuệ mạng định quán của Nhị thừa thế gian và xuất thế gian. Như một chữ Thọ, các thọ cùng hạt giống, đồng mạng sống, đồng chỗ nương, đồng cứu độ, đồng hiện tức là như tất chỗ làm diệu nghiệp thế gian và xuất thế gian. Chữ A tức là mạng sống. Như người nếu không mạng căn thì tất cả mọi việc đều bỏ. Tất cả công đức định tuệ thế gian và xuất thế gian cũng thế. Nếu lia tự môn A tức chẳng được tăng ích thành tựu. Như người chết kia không làm gì được. Lại chữ A là tiếng mở miệng. Nếu không có tiếng A thì chẳng mở miệng. Miệng nếu chẳng mở thì tất cả chữ đều không. Cho nên chữ A là hạt giống của tất cả chữ. Phải biết tất cả muôn hạnh cũng thế. Vì tự môn A cùng làm chủng trí. Nếu lia chữ A thì cũng không thành, chỗ đồng nương cậy, là như chúng sinh nếu không có đất đai thì không có chỗ ở. Tự môn A này cũng như thế. Nếu lia chữ A thì không có chỗ nương, cứu độ cũng đồng, là phải biết tự môn A này tức là sự cứu hộ lớn của tất cả thế gian. Sau rốt nói hiện, là như Phật vì Bồ-tát đại chúng mà hiện tòa Kim cang, đây là tất cả thắng nghĩa đều hiện ra.

Kế là nói môn chân ngôn này, tức là Nam-mô Tam Mạn-đa Phật-

đà-nắm. Này này người Thiện nam! Chân ngôn này chư Phật mười phương đồng dùng pháp thân mà gia trì những người có tu hành thì do chân ngôn này có thể làm các Phật sự, cho đến khắp hiện sắc thân, vì tất cả chúng sinh trong thế giới mà mở bày trí tuệ Phật, như Phật hay làm việc ấy. Tự môn A này cũng có thể làm như thế. Đối với kia đây tức đồng với tất cả thân Phật. Tự môn A chuyển tất cả pháp là do chuyển chữ A này thành các thứ công đức, từ tự môn A này tu hành mà chuyển. Cho nên Bồ-tát Bí Mật Chủ Chân Ngôn Môn muốn thấy chư Phật, muốn cúng dường, muốn chứng phát tâm Bồ-đề, muốn cùng các Bồ-tát đồng hội, muốn lợi ích chúng sinh, muốn cầu Tất-địa, muốn cầu trí Nhất thiết trí. Đây là siêng tu tâm chư Phật. Phật nói: Như các việc đã nêu trên, nếu ông muốn cầu thì không có cách nào khác, chỉ phải siêng tu tự môn A này.

Bấy giờ, Phật Tỳ-lô-giá-na trong Đại Bi Thai Tạng này sinh ra Mạn-đồ-la vương, đặt bày các vị Bồ-tôn, nói pháp định Tam-muội thân thông chân ngôn hạnh không thể suy nghĩ bàn luận, như trước đã nói rộng về đặt bày vị Mạn-đồ-la. Nay sao lại nói: Ở đây có nhiều nghĩa. Vì muốn lại khai phát một loại chúng sinh nên khiến trước đã nghe lại càng biết rõ. Trước tuy nói các địa vị, nhưng chưa cùng khắp. Nay lại nói không để thiếu sót. Lại trước chỉ nói tên, do chưa nói nhiều về hình trạng, nay lại nói cho thật đầy đủ. Vì sao chẳng cùng nói, mà lại phân tách chỗ này mà nói? Ở đây cũng có ý, cho đến pháp rất an lạc. Cũng chẳng đốn thuyết, là vì muốn cho phát tâm trân trọng mà dần dần khai đạo. Kế lại nếu chỉ dùng tranh vẽ tôn dung để làm chân thật. Thì như họa sĩ kia cũng có thể thành tựu công đức A-xà-lê. Nhưng chẳng những chỉ vẽ tranh mà được thành hạnh chân ngôn ấy. Cần phải mỗi việc tương ứng với Tam-muội thân thông, mới gọi là hạnh không thể suy nghĩ bàn luận. Nay Phật muốn mở bày cho họ nên nói các pháp Tam-muội... Nghĩa là tương ứng mà với Tam-muội thân thông nói. A-xà-lê Nhất thiết trí trụ vào tự môn A lễ tất cả Phật. Như trên đã nói trong tâm làm chữ A và mất làm chữ La như phẩm trước đã nói. Nay muốn làm đàn trước phải trụ vào Tam-muội này khiến tương ứng với lý, lấy trí tương ứng mà vận khắp quy lượng. Hễ hợp với đây thì sẽ khiến được chỗ chẳng được quá chậm. Nếu chẳng điều hòa thì khiến thầy và đệ tử có nhiều bệnh bị chướng nhiễu, nếu dùng dứt bật thì cũng khiến hao tổn. Kế là phải biết nơi chốn. Do đó trước nói phải xét định phương hướng các mặt. Nếu đệ tử khi tu có lầm lỗi gì hoặc bảo Đông là Tây, tức là làm chướng chỗ.

Kế là lễ tất cả Phật, tức là lễ thể chân ngôn chữ A. Thầy lễ rồi ở Đền mà chọn đất tốn xoay mặt về hướng Bắc, học trò ở các phương phải xoay mặt về Nam, dẫn sợi dây đối nhau. Kế thầy dẫn dây chuyển hướng Càn Duy quay về Đông, đệ tử quay mình hướng về Tây. Kế đệ tử quay hữu đến khôn duy hướng về Bắc, thầy quay mình hướng về Nam.

Kế là thầy quay hữu lại về đất tốn, hướng về Tây, đệ tử quay mình hướng về Đông. Tức bốn phương vị đã xong. Kế là đệ tử lại Càn Địa Duy mà hướng về Tốn, Thầy cùng đối ngang, tức là định Càn Tốn Ngung xong. Hễ định bốn phương thì phải như trước mà xét kỹ, không được dời đổi. Nếu định bốn góc trung tâm mười chữ giới, thì chỉ lại quay hữu, chẳng để hại ngại liền được. Làm như thế rồi. A-xà-lê lại ở trong Du-già, chuyển (đổi) trung tâm chữ A thành chữ Phược, như trước đã bố trí chữ La... phương tiện chẳng khác trước, chỉ đổi trung tâm chữ A liền thành thân Kim Cang Tát-đỏa. Cũng lại quán tưởng thân mình tức đồng với thân ấy mà chấp trì Như Lai Trí Ấn. Tuy đổi chữ A thành chữ Phược nhưng cũng chẳng lìa nhau. Vì sao? Vì chẳng sinh, tức là xưa nay không có ràng buộc với thể của môn khác. Như trên dẫn dây cũng chưa đến Địa bính. Đã thực hành quán này tức cùng đệ tử liền vào trong Trung Thai. Lại như trên dẫn dây y theo thứ lớp trước. Ở Trung Thai mà định ra phương sở như trên, không có tương ứng hình, Như Lai hình, không tánh hình, chuyển tương thích (giải thích cho nhau). Khen không hai hình này tức là Như Lai hình. Như Lai hình tức là tánh không hình. Chỗ nói, trước dẫn tuyến đương tâm thầy và trò đối nhau, dẫn thọ bốn phương và bốn góc mười chữ đạo. Chỉ vì buộc Ấn Trì mà chưa xuống. Phải biết Thời Định như thế. Trên đầu tưởng chữ A khắp thân. Nhưng Đại Nhật Như Lai vào Đại Bi Tàng sinh ra Tam-muội, thì Đại Bi Tàng Tam-muội này đâu có khác với phẩm Đại Bi Thai Tạng Mạn-đồ-la ở trước, chánh nghĩa là Đền trước các phương chưa đủ, sắc tượng cũng chưa đủ, cho nên lại nói. Kế định phương xong, lại tưởng chữ Phược như trên nói ở khắp thân mình. Tưởng thân mình đồng với hình Chấp Kim Cang, vào ở trong thai như trước đã dẫn. Tuyến định ra phương sở biến, tức là ở phương dưới. Giả khiến trung thai vuông sáu thước, lượng phân nửa là ba thước, tức là lượng rộng hẹp Đệ nhất viện ở ngoài thai. Phân ba thước này làm ba lớp: Một là hành đạo, hai là chỗ để vật cúng dường, ba là chỗ các tôn vị ngồi, bốn là duyên ngoài, kế là trong ba thước này mà đều khiến được chỗ. Đương khi cúng dường thì thầy phải vận tâm tất cả đến hội này song không có về chỗ ngồi, là đều ở trong duyên ngoài này mà cúng dường.

Kế tách viện thứ hai, ba thước lấy phân nửa là một thước rưỡi, ba lớp viện lượng cũng ở trong đó mà để đều bốn đạo như trên. Kế lại lấy phân nửa của một thước rưỡi, tức là bảy tấc rưỡi phân làm ngoài viện lượng. Cũng ở trong bảy tấc rưỡi mà để đều bốn đạo để được chỗ. Thai thứ một ngoài cửa miệng tức có liên quan với chỗ hành đạo, sẽ lấy chút xíu chỗ dụng của môn vị ấy các thứ khác chung thành xứ. Ba lớp ngoài cửa nếu có đất rộng thì mặc tình làm lớn, đâu có chiếm nhiều đất cũng không hại gì.

Trước ở Mạn-đồ-la có nói: Trong viện thứ hai thờ Phật Thích-ca, trong viện thứ ba thờ Văn-thù-sư-lợi, văn này cùng đổi nhau. Do trước định trong thai xong thì đến viện thứ ba mà định, nên nói thứ hai mà chẳng phải là thứ hai, ắt là lớp thứ ba. Nay trong đây tự có thành văn. Văn-thù ở lớp thứ hai, Đức Thích-ca ở lớp thứ ba. Tưởng chữ A định ở ngoài viện. Kế tưởng chữ Phước mà làm Trung thai. Kế làm (ở) viện thứ hai mà tưởng Văn-thù hoặc tưởng chữ Phước ở khắp thân mình cũng như trước. Kế ở viện thứ ba phải tưởng Phật Thích-ca hoặc tưởng chữ Bà. Trong kinh theo Định Tuyến Vị đã nói, đến định sắc trở xuống lại hiểu, nguyên do chưa rõ nên chưa nghi.

**Kinh nói:** Lại nữa, Tỳ-lô-giá-na gia trì ấn ấy ở quảng pháp giới theo niệm trở xuống nghĩa là khi thả sắc ở dưới thì A-xà-lê phải tưởng Tỳ-lô-giá-na Như Lai hoặc ấn kia. Ấn này tức là Ấn Quảng Đại Pháp giới. Tưởng như thế rồi hạ sắc trắng. Bảy giờ, A-xà-lê tự tưởng thân mình tức là pháp giới thể của pháp giới trắng sáng vô nhiễm. Như thế khi tưởng niệm không phải ngay thân ta như thế mà tất cả hữu tình cũng thế, tức là trừ sạch đồng với Như Lai cũng như lia tất cả lỗi là thân mình đồng với Như Lai tức là màu trắng. Trắng là pháp thể lia tất cả lỗi. Nhưng nói rằng tất cả hữu tình đều đồng với diệu pháp giới nhiệm mầu, phải do pháp nào mà được. Song đây đều là phương tiện nghĩa là môn chữ La. Khi vào chữ này thì sẽ khiến thân mình và đệ tử cho đến tất cả chúng sinh rốt ráo đều được thân pháp giới Như Lai mà lia hẳn các lỗi. Cho nên kế là nói tưởng chữ La. Chữ này màu trắng như xa cừ. Sư nói trong đây có chữ A có chữ Phước, cho nên chữ La màu trắng tưởng chữ sáng rõ, ánh sáng lạng lẽ tuôn ra như sữa do thanh tịnh này mà thành sắc vô cấu, lia tất cả lỗi và hoa quân-đà, hoặc như sắc trắng sáng, lửa chữ ấy cũng sáng trắng, lạng lẽ điềm tịnh mà tỏa sáng rực rỡ. Khi tưởng như thế lại tụng chữ La một trăm biến, hoặc một ngàn biến mới xuống sắc. Sắc pháp gia trì trước phải đối với sắc mà tưởng chữ, chữ thành rồi mới chuyển thành Phật.



Ở đây có hai thứ: Một là A-lợi-trà, là nắm tay trái lại để trên ngực dưới thẳng ngón trỏ. Tay phải như đánh vật, chân trái hướng ra trước, chân phải cách ba thước mà kéo dài ra . Trắng đỏ vàng xanh đều dùng, phải tưởng hình Phật mà bắt ấn này. Hễ kết ấn thì có hai oai nghi. Nếu đứng mà làm ấn thì phải thực hành oai nghi này. Bốn Phật làm có hình dáng vắng lặng dùng ấn này. Hai là hạ sắc đỏ phải ghi nhớ là nói A-xà- lê phải xét kỹ. Khi sắp hạ màu đỏ phải tưởng chữ. Chữ này chiếu sáng như sắc mặt trời mới mọc, hoặc đỏ, hoặc vàng, đây là màu đỏ và vàng lẫn lộn. Ánh sáng này chiếu rực rỡ chữ này tức là chữ Phật Bảo Tràng. Đây là Phật trên hết không gì so sánh bằng) không thể hàng phục. Lại tưởng thân mình đồng với chư Phật. Chữ La màu đỏ có dấu chấm, còn các phương tiện khác thì y theo trước.

